

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Số: *MA*/SBH-P5  
V/v công bố báo cáo tài chính bán  
niên đã được soát xét năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày *13* tháng 8 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
2. Mã chứng khoán: SBH
3. Địa chỉ trụ sở chính: 02C Trần Hưng Đạo - Phường 1 - TP Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên.
4. Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Trần Lý
6. Địa chỉ: 02C Trần Hưng Đạo - Thành phố Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên.
7. Điện thoại: 0257.2470.999
8. Nội dung thông tin công bố: Công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét năm 2018.

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/8/2018 tại đường dẫn <http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (kính b/c);
- BKS (để biết);
- Website công ty;
- Lưu: VT, P5.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Trần Lý*



**Công ty Cổ phần Thủy điện  
Sông Ba Hạ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018





**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy chứng nhận</b>	3603000101	Ngày 28 tháng 12 năm 2007
<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	4400415302	Ngày 14 tháng 11 năm 2011
	4400415302	Ngày 17 tháng 10 năm 2016
	4400415302	Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Tặng	Chủ tịch
	Ông Trần Lý	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Phú	Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2018)
	Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2018)
	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên (đến ngày 20 tháng 4 năm 2018)
	Ông Đặng Văn Tuấn	Thành viên (đến ngày 20 tháng 4 năm 2018)

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Lý Ông Nguyễn Đức Phú	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
---------------------	-----------------------------------	------------------------------------

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Số 02C, Trần Hưng Đạo Thành phố Tuy Hòa Tỉnh Phú Yên Việt Nam
-----------------------	--

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Phú Yên, ngày 10 tháng 8 năm 2018





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi không soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và bất kỳ các thuyết minh liên quan nào khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về các báo cáo này.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-351/HY



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>668.024.231.879</b>	<b>621.062.966.754</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>219.245.449.972</b>	<b>212.580.650.173</b>
Tiền	111		60.245.449.972	58.489.461.019
Các khoản tương đương tiền	112		159.000.000.000	154.091.189.154
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>265.000.000.000</b>	<b>208.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	265.000.000.000	208.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>178.049.892.898</b>	<b>197.116.459.693</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	172.516.777.193	174.861.369.272
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.130.439.326	977.684.326
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.402.676.379	21.277.406.095
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10(a)</b>	<b>5.339.667.460</b>	<b>3.347.236.888</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>389.221.549</b>	<b>18.620.000</b>
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	389.221.549	18.620.000
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.798.075.777.119</b>	<b>1.892.367.866.824</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.775.436.930.290</b>	<b>1.869.649.992.504</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.771.015.206.084	1.865.163.440.926
Nguyên giá	222		4.184.665.654.974	4.182.413.082.248
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.413.650.448.890)	(2.317.249.641.322)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.421.724.206	4.486.551.578
Nguyên giá	228		5.022.536.448	5.022.536.448
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(600.812.242)	(535.984.870)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>307.487.582</b>	<b>307.487.582</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		307.487.582	307.487.582
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.331.359.247</b>	<b>22.410.386.738</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	22.331.359.247	22.410.386.738
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.466.100.008.998</b>	<b>2.513.430.833.578</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>623.392.129.092</b>	<b>623.688.390.081</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>355.225.262.139</b>	<b>317.346.975.693</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.838.467.131	15.534.332.990
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		108.780.000	108.780.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	11.565.114.579	30.497.817.740
Phải trả người lao động	314		1.007.345.550	6.755.531.174
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	20.314.258.763	7.951.525.554
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	119.686.330.600	67.189.275.149
Vay ngắn hạn	320	17	187.205.459.178	186.349.131.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	4.499.506.338	2.960.581.386
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>268.166.866.953</b>	<b>306.341.414.388</b>
Vay dài hạn	338	17	268.166.866.953	306.341.414.388
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.842.707.879.906</b>	<b>1.889.742.443.497</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1.842.707.879.906</b>	<b>1.889.742.443.497</b>
Vốn cổ phần	411	20	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		49.433.250.349	13.160.562.221
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		503.024.629.557	586.331.881.276
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		380.834.712.481	1.526.289.931
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		122.189.917.076	584.805.591.345
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.466.100.008.998</b>	<b>2.513.430.833.578</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đặng Thị Lan  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng



Trần Lý  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
				Chưa soát xét
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>294.226.805.630</b>	<b>384.870.607.702</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>140.339.885.732</b>	<b>134.929.095.651</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>153.886.919.898</b>	<b>249.941.512.051</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.862.289.975	2.823.299.137
Chi phí tài chính	22	25	18.429.517.354	24.336.070.564
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.480.820.411	24.336.070.564
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.807.964.897	14.150.091.954
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>129.511.727.622</b>	<b>214.278.648.670</b>
Thu nhập khác	31		39.190.912	237.373.525
Chi phí khác	32		-	121.578.364
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>39.190.912</b>	<b>115.795.161</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>129.550.918.534</b>	<b>214.394.443.831</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>28</b>	<b>7.361.001.458</b>	<b>10.756.221.294</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>122.189.917.076</b>	<b>203.638.222.537</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	984	1.639

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đặng Thị Lan  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng



Trần Lý  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
		<b>Chưa soát xét</b>	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>129.550.918.534</b>	<b>214.394.443.831</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	96.465.634.940	97.913.426.045
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	856.345.893	-
Lãi tiền gửi	05	(5.862.289.975)	(2.460.611.377)
Chi phí lãi vay	06	17.480.820.411	24.336.070.564
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>238.491.429.803</b>	<b>334.183.329.063</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(21.166.034.282)	(264.831.808.452)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.913.403.081)	902.433.079
Biến động các khoản phải trả	11	30.358.789.865	70.089.249.034
Biến động chi phí trả trước	12	-	4.759.457.072
		<b>245.770.782.305</b>	<b>145.102.659.796</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.262.295.337)	(13.183.880.467)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.870.480.826)	(16.505.823.695)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.193.055.715)	(3.994.115.417)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>211.444.950.427</b>	<b>111.418.840.217</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.252.572.726)	(2.628.084.058)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(57.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	7.549.723.653	2.460.611.377
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(51.702.849.073)</b>	<b>(167.472.681)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số  
 Kỳ sáu tháng kết thúc ngày  
 30/6/2018 30/6/2017  
 VND VND  
 Chưa soát xét

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền chi trả cổ tức	36	(153.077.301.555)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(153.077.301.555)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>6.664.799.799</b>	<b>111.251.367.536</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>212.580.650.173</b>	<b>158.226.917.445</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6)	<b>70</b>	<b>219.245.449.972</b>	<b>269.478.284.981</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:   
 Đặng Thị Lan  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:   
 Đoàn Thị Mỹ Đông  
 Kế toán trưởng

   
 Trần Lý  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 7 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là SBH.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Sản xuất và kinh doanh điện năng. Đầu tư và quản lý các dự án nguồn điện. Dịch vụ quản lý, vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp. Dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp.
- Kinh doanh du lịch và dịch vụ kèm theo.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 129 nhân viên (1/1/2018: 132 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày tại các chính sách kế toán tương ứng ở Thuyết minh 3.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(a) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá bán chuyển khoản và mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) *Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia***

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm phát sinh.

Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Nghị định 82 trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 là không trọng yếu.

**(b) *Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) *Các khoản phải thu***

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) *Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 - 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP (“Nghị định số 82”) ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động kinh doanh điện, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	338.532.164	5.312.024
Tiền gửi ngân hàng	59.906.917.808	58.484.148.995
Các khoản tương đương tiền	159.000.000.000	154.091.189.154
	<hr/>	<hr/>
	219.245.449.972	212.580.650.173

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 4,1% đến 5,5% một năm (1/1/2018: 4,3% đến 5,5% một năm).

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	265.000.000.000	208.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất từ 5,2% đến 6,0% một năm (1/1/2018: từ 5,5% đến 6,5% một năm).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	172.516.777.193	174.861.369.272

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	172.516.777.193	174.861.369.272

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ các nhà thầu sau khi quyết toán công trình (*)	2.591.170.238	2.591.170.238
Phải thu lãi tiền gửi	862.288.607	2.549.722.285
Phải thu từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	15.401.168.335
Các khoản phải thu khác	949.217.534	735.345.237
	4.402.676.379	21.277.406.095

(\*) Khoản này thể hiện khoản phải thu từ các nhà thầu sau khi quyết toán khối lượng công trình, căn cứ theo Báo cáo quyết toán vốn đầu tư Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ lập ngày 29 tháng 4 năm 2016, Báo cáo kiểm toán vốn đầu tư Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C lập tại báo cáo số 135sđbs/15-TĐ-KTTV ngày 6 tháng 5 năm 2016, Quyết định số 929/QĐ-SBH-HĐQT và Quyết định số 1378/QĐ-SBH-HĐQT về việc quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt lần lượt vào ngày 28 tháng 9 năm 2016 và ngày 25 tháng 10 năm 2017.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	15.401.168.335

Khoản phi thương mại phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và đã thu hồi đầy đủ trong kỳ.

**10. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	5.339.667.460	-	3.347.236.888	-

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là toàn bộ các thiết bị đi kèm với gói thầu mua máy móc thiết bị của Công ty khi xây dựng nhà máy.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.744.720.066.878	1.431.453.201.600	3.039.078.885	3.200.734.885	4.182.413.082.248
Tăng trong kỳ	-	-	2.252.572.726	-	2.252.572.726
Số dư cuối kỳ	2.744.720.066.878	1.431.453.201.600	5.291.651.611	3.200.734.885	4.184.665.654.974
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	1.248.509.902.519	1.063.246.214.876	2.924.371.828	2.569.152.099	2.317.249.641.322
Khấu hao trong kỳ	67.113.053.292	29.029.682.783	105.830.134	152.241.359	96.400.807.568
Số dư cuối kỳ	1.315.622.955.811	1.092.275.897.659	3.030.201.962	2.721.393.458	2.413.650.448.890
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	1.496.210.164.359	368.206.986.724	114.707.057	631.582.786	1.865.163.440.926
Số dư cuối kỳ	1.429.097.111.067	339.177.303.941	2.261.449.649	479.341.427	1.771.015.206.084

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 21 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 20 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 17, các tài sản hình thành từ vốn vay của: (1) các khoản vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam; và (2) khoản vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.500.000.000	522.536.448	5.022.536.448
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	112.500.000	423.484.870	535.984.870
Khấu hao trong kỳ	45.000.000	19.827.372	64.827.372
Số dư cuối kỳ	157.500.000	443.312.242	600.812.242
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	4.387.500.000	99.051.578	4.486.551.578
Số dư cuối kỳ	4.342.500.000	79.224.206	4.421.724.206

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Tổng Công ty Cơ điện – Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	6.133.864.596	6.077.900.657
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	348.849.012	348.849.012
Các nhà cung cấp khác	4.355.753.523	9.107.583.321
	<b>10.838.467.131</b>	<b>15.534.332.990</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	157.606.138	157.606.138
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 – Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	21.013.889	21.013.889

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2018</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Số đã nộp/cán trừ</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<b>Thuế</b>				
Thuế giá trị gia tăng	364.794.009	41.281.473.212	(38.622.937.699)	3.023.329.522
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.342.350.476	7.361.001.458	(17.870.480.826)	832.871.108
Thuế thu nhập cá nhân	-	152.232.918	(152.232.918)	-
Thuế tài nguyên	6.183.873.392	17.742.048.527	(19.493.706.514)	4.432.215.405
Thuế khác	-	205.230.035	(205.230.035)	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>				
Phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	12.606.799.863	11.151.305.609	(20.481.406.928)	3.276.698.544
	<b>30.497.817.740</b>	<b>77.893.291.759</b>	<b>(96.825.994.920)</b>	<b>11.565.114.579</b>

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2018</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Số đã cán trừ</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được cán trừ</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	18.620.000	685.838.155	(315.236.606)	389.221.549



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	15.170.050.628	7.951.525.554
Chi phí sửa chữa lớn	5.144.208.135	-
	20.314.258.763	7.951.525.554
	20.314.258.763	7.951.525.554

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	100.157.930.527	56.607.831.878
Cổ tức phải trả	18.942.328.409	10.527.129.964
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	6.989.000
Các khoản phải trả khác	586.071.664	47.324.307
	119.686.330.600	67.189.275.149
	119.686.330.600	67.189.275.149

(\*) Khoản phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**17. Vay ngắn và dài hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	455.372.326.131	492.690.546.088
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(187.205.459.178)	(186.349.131.700)
	268.166.866.953	306.341.414.388
	268.166.866.953	306.341.414.388

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Khoản vay có đảm bảo</b>					
<b>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất</b>					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (i)					
	VND	7,5%	2019	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Trung Quốc (ii)					
	USD	5,8%	2019	77.205.459.178	114.523.679.135
<b>Vay lại từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ</b>					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (iii)					
	VND	Lãi suất bình quân + 1%	2021	178.166.866.953	178.166.866.953
				455.372.326.131	492.690.546.088

**(i) Khoản vay 1 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Khoản vay 1 từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan tới hợp đồng cho vay lại số 03/EVN-SONGBAHA/TCKT từ nguồn vốn vay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với tổng số tiền vay là 400 tỷ VND, thời hạn vay là 11 năm (từ 31 tháng 5 năm 2008 đến 20 tháng 8 năm 2019), lãi suất là 7,5%/năm, phí cho vay lại là 0,2%/năm, mục đích vay để đầu tư tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Tiền gốc vay trả đều mỗi năm một lần là 100 tỷ VND bắt đầu từ năm 2016.

**(ii) Khoản vay 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

Khoản vay 2 từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam là khoản vay theo Hợp đồng cho vay lại số 03/2008/EVN/TCKT-SONGBAHA ngày 1 tháng 7 năm 2008 từ khoản vay của Tập đoàn Điện lực Việt Nam với Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Trung Quốc với số tiền vay là 33.582.216,15 USD, thời hạn vay là 10 năm, lãi suất là 5,18%/năm, phí cam kết là 0,3%/năm, phí quản lý là 0,3%/năm, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán cho hợp đồng thương mại. Khoản vay được trả nhiều lần từ năm 2008 đến năm 2019. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Khoản vay 1 – Tổng Công ty Phát điện 2**

Khoản vay 1 từ Tổng Công ty Phát điện 2 là khoản vay theo Hợp đồng cho vay lại số 02/GENCO2-SÔNG BA HẠ/TCKT ngày 12 tháng 12 năm 2016 từ nguồn vốn vay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phá Lại với tổng số hạn mức tín dụng là 380 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 22 tháng 12 năm 2016), với lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của bốn ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) cộng với lãi suất biên là 1%, kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty. Số nợ gốc phải trả trong 2 năm đầu tiên là 10 tỷ VND/năm và trong 6 năm tiếp theo là 60 tỷ VND/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Số dư đầu kỳ	2.960.581.386	654.041.553
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 19)	7.731.980.667	7.835.235.250
Sử dụng trong kỳ	(6.193.055.715)	(3.994.115.417)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.499.506.338	4.495.161.386
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	1.242.250.000.000	48.000.000.000	9.148.480.000	218.344.857.402	1.517.743.337.402
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	203.638.222.537	203.638.222.537
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 22)	-	-	4.012.082.221	(4.012.082.221)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(7.835.235.250)	(7.835.235.250)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(204.971.250.000)	(204.971.250.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017</b>	1.242.250.000.000	48.000.000.000	13.160.562.221	205.164.512.468	1.508.575.074.689
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	468.124.868.808	468.124.868.808
Cổ tức	-	-	-	(86.957.500.000)	(86.957.500.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	1.242.250.000.000	48.000.000.000	13.160.562.221	586.331.881.276	1.889.742.443.497
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	122.189.917.076	122.189.917.076
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 22)	-	-	36.272.688.128	(36.272.688.128)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(7.731.980.667)	(7.731.980.667)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(161.492.500.000)	(161.492.500.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	1.242.250.000.000	48.000.000.000	49.433.250.349	503.024.629.557	1.842.707.879.906



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## **21. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 248.450 triệu VND, tương ứng 20% vốn điều lệ của Công ty (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 204.971 triệu VND, tương ứng 16,5% vốn điều lệ của Công ty). Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 86.958 triệu VND trong năm 2017, theo đó, Công ty tiếp tục phân phối phần cổ tức còn lại là 161.493 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị điện đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**23. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí khấu hao và phân bổ	96.196.381.333	97.537.259.317
Chi phí nhân công	6.758.374.159	6.905.671.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.141.603.585	2.101.948.377
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.144.208.135	3.307.331.997
Chi phí nguyên vật liệu	253.537.101	160.331.947
Chi phí khác	29.845.781.419	24.916.552.982
	<u>140.339.885.732</u>	<u>134.929.095.651</u>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	5.862.289.975	2.460.611.377
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	362.687.760
	<u>5.862.289.975</u>	<u>2.823.299.137</u>





**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi vay và phí vay lại	17.480.820.411	24.336.070.564
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	92.351.050	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	856.345.893	-
	<b>18.429.517.354</b>	<b>24.336.070.564</b>

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân công	6.866.881.395	5.820.185.369
Chi phí khấu hao và phân bổ	269.253.607	376.166.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.158.555.653	925.443.771
Chi phí khác	3.513.274.242	7.028.296.086
	<b>11.807.964.897</b>	<b>14.150.091.954</b>

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	253.537.101	160.331.947
Chi phí nhân công	13.625.255.554	12.725.856.400
Chi phí khấu hao và phân bổ	96.465.634.940	97.913.426.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.444.367.373	6.334.724.145
Chi phí khác	33.318.467.661	31.944.849.068

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	7.361.001.458	10.756.221.294

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	129.550.918.534	214.394.443.831
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.955.091.853	21.439.444.383
Ưu đãi thuế	(6.200.587.417)	(10.719.722.192)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	580.207.021	36.499.103
Chi phí không được khấu trừ thuế	26.290.001	-
	7.361.001.458	10.756.221.294

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2017: 20%).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận thuần trong kỳ	122.189.917.076	203.638.222.537
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
	122.189.917.076	203.638.222.537
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	122.189.917.076	203.638.222.537

(\*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 124.225.000 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>30/6/2017 VND Chưa soát xét</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí lãi vay	10.758.089.613	17.240.611.622
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên</b>		
Cổ tức	99.763.210.300	126.622.536.150
Chi phí lãi vay	6.722.730.798	7.095.458.942
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Doanh thu bán điện	294.226.805.630	384.870.607.702
<b>Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh</b>		
Cổ tức	41.600.000.000	52.800.000.000
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</b>		
Cổ tức	11.648.000.000	14.784.000.000
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Cổ tức	5.200.000.000	6.600.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi</b>		
Cổ tức	1.664.000.000	2.112.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b>		
Mua dịch vụ	1.724.756.000	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	897.000.000	932.800.000



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Thanh toán gốc vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	38.174.565.850	38.266.916.900

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính chưa được soát xét của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đặng Thị Lan  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng



Trần Lý  
Tổng Giám đốc

